

Bản án số 104/2017/HSST
Ngày 06 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thu Hương. Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.
2. Ông Vũ Ngọc Hân. Nghề nghiệp: Bơm tiêu thoát nước đô thị

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Q – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2017/HSST ngày 28/7/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/HSST-QĐ ngày 18/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN NAM H sinh năm 1997.
 - Tên gọi khác: M.
 - Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà A, đường L, phường L, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
 - Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không;
 - Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 10/12
 - Con ông: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1976.
 - Con bà: Phan Thị T, sinh năm 1976.
 - Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.
 - Tiền án, tiền sự: Không.
 - Nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 265/QĐ- XPHC ngày 16/5/2017, Công an phường L, Thành phố B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Tại quyết định số 90/QĐ- CQĐT ngày 31/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B khởi tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản trong vụ án khác.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Họ và tên: NGUYỄN Q K, sinh ngày 28/12/1999.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà B, đường L, phường P, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 12/12.

- Con ông: Nguyễn Đắc H, sinh năm 1965.

- Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1969.

- Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

*** Người bào chữa và đồng thời là người đại diện hợp pháp cho bị cáo NGUYỄN Q K:** bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, trú tại: Số nhà B, đường L, phường P, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

*** Người bị hại:** Ông Lê Công N, sinh năm 1945. Trú tại số nhà C, đường Đ, phường H, thành phố B.

Do anh Lê Anh T, sinh năm 1974 (con trai ông Lê Công N), trú tại số nhà C, đường Đ, phường H, Thành phố B- làm người đại diện hợp pháp. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thân Văn Q, Sinh năm 1985, trú tại: số nhà S, đường G, phường K, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Anh Hà Văn T, Sinh năm 1992, trú tại: thôn T, xã D, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/5/2017, NGUYỄN Q K sinh ngày 28/12/1999 trú tại Số nhà B, đường L, phường P, Thành phố B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter đeo biển kiểm soát 99D1- 098.54 chở bạn ngoài xã hội là NGUYỄN NAM H sinh năm 1997 trú tại Số nhà A, đường L, phường L, Thành phố B đi từ phòng trọ của Đinh Văn Q, sinh năm 1997 ở số X, khu chợ C, phường X để về nhà H. Lúc này, NGUYỄN Q K mặc áo phong cộc tay màu xanh nõn chuối, NGUYỄN NAM H mặc áo phong cộc tay màu mận chín. Khi đi trên đường Đ, phường Trần Nguyên Hãn, H và H nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 98M1- 8000 của ông Lê Công N, sinh năm 1945, trú tại số nhà C, đường Đ, phường H, Thành phố B dựng ở cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy chiếc xe không có người trông giữ nên H và H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe của ông N. Vì vậy H điều khiển xe vòng đi vòng lại mấy lượt để quan sát. Thấy xung quanh không có người chú ý, H chở H đến gần chiếc xe thì dừng lại, H xuống xe đi đến mở khoá điện nổ máy cùng H bỏ chạy. Ông N phát hiện thấy liền đuổi theo hô hoán. H điều khiển xe chạy được khoảng gần 100 m thì xe bị chết máy nên đã bỏ xe của ông N lại rồi nhảy lên xe của H chạy thoát.

Ngày 16/5/2017, ông N làm đơn trình báo Công an T phố B. Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường xảy ra vụ án, thu giữ dữ liệu từ camera an N của gia đình bà Vương Diệu K sinh năm 1959 trú tại số nhà Z đường G, phường H, Thành phố B có ghi lại hình ảnh NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K trộm cắp xe mô tô của ông Lê Công N.

Ngày 17/5/2017, H và H đã đến Công an Thành phố B để đầu thú. NGUYỄN Q K tự giao nộp một chiếc áo phong cộc tay màu xanh nõn chuối, NGUYỄN NAM H tự giao nộp một chiếc áo phong cộc tay màu mận chín. Đây là những trang phục mà các bị can mặc khi đi trộm cắp xe của ông N. Tại cơ quan điều tra H và H đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp của mình.

Cùng ngày 17/5/2017, tại nhà của Thân Văn Q sinh năm 1985, trú tại số nhà S, đường G, phường K, T phố B, cơ quan điều tra đã tạm giữ một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter biển kiểm soát 99D1- 098.54, một chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 30Y6- 4841.

Tại bản kết luận số 53/KL-HĐĐG ngày 17/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius biển kiểm soát 98M1- 8000, số máy: 041882, số khung: 041882, xe cũ đã qua sử dụng có trị giá là 7.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99D1- 098.54 và chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 30Y6- 4841, kết quả điều tra đã xác định được như sau: Hà Văn T sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã D, Thành phố B là bạn xã hội với Thân Văn Q. Cách ngày xảy ra vụ trộm cắp khoảng 01 tháng, T có cho anh Q mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 30Y6- 4841 để anh Q làm phương tiện đi lại. Quá trình sử

dụng thấy chiếc biển số xe 30Y6- 4841 bị long ốc nên anh Q đã tháo biển số xe ra. Ngày 15/5/2017 anh Q cho H mượn chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại. Khi tham gia giao thông trên đường L, Thành phố B, H có nhặt được biển số 99D1- 098.54 ở ven đường sau đó H đã gắn biển số đó vào chiếc xe mượn của anh Q. Đến sáng ngày 16/5/2017, H đã cùng với H sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 27/6/2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh T chiếc xe mô tô biển kiểm soát 30Y6- 4841, anh T và anh Q không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với chiếc biển kiểm soát 99D1- 098.54, Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, xác minh nhưng chưa xác định được chủ sở hữu nên đã tách vật chứng khỏi vụ án để tiếp tục điều tra xác minh theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, NGUYỄN NAM H, NGUYỄN Q K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 107/KSĐT ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố các bị cáo NGUYỄN NAM H, NGUYỄN Q K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người bào chữa đồng thời là người đại diện hợp pháp cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chính sách đối với người chưa T niên phạm tội, cho bị cáo H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội kết luận như sau: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/5/2017, NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K đã cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 98M1- 8000 có giá trị 7.000.000 đồng của ông Lê Công N sinh năm 1945 trú tại số nhà C, đường Đ, phường H, thành phố B. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NGUYỄN NAM H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 70; Điều 71 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NGUYỄN Q K từ 6 tháng đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phong cộc tay màu xanh nõn chuối, 01 chiếc áo phong cộc tay màu mận chín do đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/5/2017, NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K đã cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 98M1- 8000 có giá trị 7.000.000 đồng của ông Lê Công N, sinh năm 1945, trú tại số nhà C, đường Đ, phường H, T phố B.

Xét về tính chất của vụ án thì thấy: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự an N tại địa phương, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án. Do vậy cần pH xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo H và bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: Các bị cáo lần đầu tiên phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo T khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, cùng rủ nhau trộm cắp tài sản nên các bị cáo giữ vai trò ngang nhau.

Đối với bị cáo H: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 265/QĐ-XPHC ngày 16/5/2017, Công an phường L, T phố B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Tại quyết định số 90/QĐ- CQĐT ngày 31/3/2017 Cơ quan điều tra Công an Thành phố B đã khởi tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần xử cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở T người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo H nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án tiền sự, là người chưa T niên phạm tội và tính đến ngày xét xử thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Công N đã chết ngày 09/6/2017 do bệnh nặng, nhưng trong hồ sơ ông N có lời khai: ông đã nhận được toàn bộ tài sản do bị cáo H và bị cáo H trộm cắp nên ông không có yêu cầu bồi thường về tài sản. Tòa án có triệu tập con trai ông N là anh Lê Anh T là người đại diện hợp pháp cho người bị hại đến tham dự phiên tòa nhưng anh Tuấn có đơn xin xử vắng mặt. Do người bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm dân sự.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo NGUYỄN NAM H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 70; Điều 71 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo NGUYỄN Q K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo NGUYỄN Q K cho UBND phường Trần Phú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phong cộc tay màu xanh nõn chuối, 01 chiếc áo phong cộc tay màu mận chín do đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số 92/KSĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp

án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo NGUYỄN NAM H và NGUYỄN Q K mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP B.
- Công an TP B.
- Chi cục THADS TP.B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường